



Tin dụng cho nông nghiệp, nông thôn

ThS. TRẦN CHÍ CHINH

Theo kết quả sơ bộ, số hộ nông thôn cả nước tại thời điểm 1/7/2006 là 13,78 triệu hộ, tăng 0,71 triệu hộ (+5,4%) so với năm 2001. Trong đó, số hộ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là 9,78 triệu hộ, chiếm 70,9% so với tổng số hộ ở nông thôn. Số người trong độ tuổi lao động ở nông thôn cả nước là 33,24 triệu người, tăng 6,1% so với năm 2001. Như vậy có thể thấy ở Việt Nam hiện nay số hộ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn chiếm một tỷ trọng khá lớn ở nông thôn. Nhưng vấn đề ở đây là tuy chiếm tỷ trọng lớn nhưng quy mô diện tích canh tác của mỗi hộ lại rất nhỏ. Cụ thể, theo số liệu Tổng Điều tra Nông nghiệp do Tổng cục Thống kê công bố cuối năm 2004, vùng đồng bằng sông Hồng có 99,3% số hộ nông nghiệp có quy mô đất nông nghiệp dưới 1 ha, trong đó 91,7% có quy mô từ 0,2 đến dưới 0,5 ha, chủ yếu là đất lúa. Với quy mô này, nông dân trồng lúa chỉ có thể duy trì tình trạng sản xuất phân tán, kỹ

thuật thủ công, tự cung tự cấp là chủ yếu. Ngay tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tuy là vùng có tỷ trọng lượng gạo xuất khẩu lớn nhất cả nước trong những năm qua, nhưng điểm trên vẫn chưa được khắc phục. Toàn vùng có khoảng trên 1.700 trang trại trồng lúa hàng hoá nhưng quy mô đất lúa bình quân một trang trại từ 3-5 ha chiếm gần 60%, chỉ có 4,9% trang trại có quy mô trên 10 ha. Bên cạnh đó, nguồn thu từ chăn nuôi còn hạn chế và chủ yếu là chăn nuôi lợn, với quy mô nhỏ 2-3 con/hộ, tận dụng thức ăn thô là nguồn có sẵn từ địa phương. Xu hướng sử dụng thức ăn công nghiệp đang hình thành, nhưng chưa phổ biến, mới tập trung ở những hộ chăn nuôi lớn. Vì thế lợn chậm lớn, trọng lượng lợn xuất chuồng bình quân ở một số vùng còn ở mức thấp, chu kỳ nuôi một lứa còn dài, năng suất lợn thịt chưa cao, dẫn đến hiệu quả thấp, thu nhập từ chăn nuôi lợn thịt hầu như không đáng kể.

Vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn

(ĐVT: ngàn đồng)

| | Vốn tích lũy thời điểm 1/10/2001 | Vốn tích lũy thời điểm 1/07/2006 | Năm 2006 so với 2001 (lần) |
|---------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Cả nước | 3.231,2 | 6.655,2 | 2,1 |
| - Đồng bằng Sông Hồng | 3.189,5 | 7.604,9 | 2,4 |
| - Đông Bắc | 2.139,5 | 4.310,7 | 2,0 |
| - Tây Bắc | 1.462,5 | 2.893,5 | 2,0 |
| - Bắc Trung Bộ | 2.740,9 | 4.932,5 | 1,8 |
| - Duyên hải Nam Trung Bộ | 3.814,8 | 6.775,4 | 1,8 |
| - Tây Nguyên | 2.479,4 | 5.137,4 | 2,1 |
| - Đông Nam Bộ | 4.271,2 | 9.354,6 | 2,2 |
| - Đồng Bằng sông Cửu Long | 3.856,3 | 7.723,4 | 2 |

(Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006)

Vì vậy, để nâng cao thu nhập cho các hộ ở nông thôn nói chung và lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, chúng ta phải tăng hiệu quả trên một đơn vị diện tích. Để làm được điều này, các hộ sản xuất nông nghiệp phải tiến hành thâm canh, chuyển đổi những cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả sang những cây trồng, vật nuôi hiệu quả hơn. Đặc biệt là chăn nuôi, chúng ta có thể kiểm soát được dịch bệnh và nâng cao hiệu quả nếu các hộ chăn nuôi với quy mô lớn. Điều này chỉ có thể thực hiện được nếu người nông dân có đủ vốn, được tập huấn và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ hiện đại và có thể tiếp cận được với thị trường. Nhưng với thực trạng thu nhập của các hộ nông dân trong những năm vừa qua khá thấp, nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư sản xuất là rất thấp.

Vốn tích lũy bình quân một hộ nông nghiệp ở khu vực nông thôn

(ĐVT: ngàn đồng)

| | Vốn tích lũy thời điểm 1/10/2001 | Vốn tích lũy thời điểm 1/07/2006 | Năm 2006 so với 2001 (lần) |
|---------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|
| Cả nước | 2.529,0 | 4.783,9 | 1,9 |
| - Đồng bằng Sông Hồng | 2.366,0 | 5.196,6 | 2,2 |
| - Đông Bắc | 1.849,0 | 3.170,8 | 1,7 |
| - Tây Bắc | 1.402,0 | 2.284,0 | 1,6 |
| - Bắc Trung Bộ | 2.179,0 | 3.493,4 | 1,6 |
| - Duyên hải Nam Trung Bộ | 2.640,0 | 4.414,7 | 1,7 |
| - Tây Nguyên | 2.156,0 | 4.300,3 | 2,0 |
| - Đông Nam Bộ | 3.223,0 | 7.490,9 | 2,3 |
| - Đồng Bằng sông Cửu Long | 3.436,0 | 6.394,1 | 1,9 |

(Báo cáo sơ bộ kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2006)

Vì vậy, có thể thấy hiện nay nhu cầu vay vốn tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn rất cao, không chỉ để phục vụ cho sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi mà còn đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt của người đi vay như mua sắm phương tiện đi lại cá nhân, xây dựng và sửa chữa

nhà cửa, ma chay, chữa bệnh.... Thời gian qua, nhiều hộ nông dân do nhu cầu bức bách về vốn đã phải chấp nhận đi vay với lãi suất rất cao (vay nặng lãi, vay "cầm đồ"....). Vấn đề đặt ra ở đây là hiện nay chúng ta đã có một hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM), quỹ tín dụng nhân dân với mạng lưới các chi nhánh và phòng giao dịch rộng khắp đến từng quận, huyện, nhiều nơi đến từng phường, xã. Chúng ta cũng đã thành lập ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với những hộ nghèo, những hộ thuộc đối tượng được vay ưu đãi. Bên cạnh đó hiện nay chúng ta cũng cho phép các Hợp tác xã nông nghiệp đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ. Nhưng người dân ở nông thôn hiện nay vẫn khó tiếp cận các nguồn vốn tín dụng này.

Lý do thì có nhiều, nhưng có một lý do quan trọng nhất, đó là các định chế tài chính chính thức (bao gồm NHTM, NHCSXH, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, quỹ tín dụng nhân dân (QTDND), đối mặt với mâu thuẫn giữa một bên là chi phí giao dịch lớn, rủi ro cho vay nông nghiệp cao và một bên là lãi suất cho vay thấp, dẫn đến việc các định chế tài chính chính thức không muốn mở rộng hoạt động tín dụng tại nông thôn.

Do vậy, để các nông hộ có thể tiếp cận được với những nguồn vốn tín dụng chính thức với mức lãi suất hợp lý, cần giải quyết mâu thuẫn ở trên. Từ những nội dung phân tích ở trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

- Bảo hiểm rủi ro trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: Hiện nay ngành bảo hiểm đã cung cấp nhiều loại dịch vụ bảo hiểm, tuy nhiên bảo hiểm rủi ro trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có rất ít công ty bảo hiểm tham gia. Lý do là bảo hiểm trong lĩnh vực này có rủi ro cao và không phải nông dân nào cũng nhận thức được lợi ích của việc mua bảo hiểm rủi ro cho sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có thể thành lập tổ chức bảo hiểm phi lợi nhuận chuyên bảo hiểm rủi ro trong lĩnh vực nông nghiệp như chúng ta đã thành lập NHCSXH. Đối với các tổ chức bảo hiểm có cung cấp các dịch vụ bảo hiểm cho lĩnh vực rủi ro trong sản xuất nông nghiệp thì cho họ hưởng các ưu đãi về thuế đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó chúng ta cũng cần tuyên truyền cho nông dân thấy lợi ích của việc mua bảo hiểm và vận động các hộ nông dân tham gia mua bảo hiểm khi sản xuất nông nghiệp.

- Sản xuất theo hợp đồng để có cơ sở vay vốn ngân hàng: Nếu người nông dân khi sản xuất nông nghiệp mà có thực hiện các hợp đồng bao tiêu thì sẽ dễ tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng, bởi vì rủi ro về giá đã được chuyển giao cho các doanh nghiệp nhận bao tiêu sản phẩm theo hợp đồng. Quyết định 80/2002/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 24/06/2002 về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng giữa doanh nghiệp chế biến kinh doanh và nhà sản xuất nông sản cho đến nay đã đi vào cuộc sống và đạt được những thành quả bước đầu trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, một vấn đề nổi cộm làm nản lòng doanh nghiệp và các hộ nông dân sản xuất nông sản là tình trạng bội ước - hợp đồng tiêu thụ nông sản bị phá vỡ khi giá cả thị trường có biến động: khi giá lên thì nhà nông bán sản phẩm cho đối tượng khác, doanh nghiệp thiếu nguyên liệu chế biến; khi giá xuống thì doanh nghiệp quay lưng, bỏ mặc các hộ nông dân xoay sở với nông sản tồn kho. Vì vậy, sự chế tài của Nhà nước theo pháp luật là hết sức quan trọng trong việc thực hiện hợp đồng sản xuất - bao tiêu sản phẩm giữa nông dân và doanh nghiệp. Thêm vào đó, chúng ta cũng cần phải có cơ chế pháp lý để có thể giải quyết các tranh chấp khi một trong hai bên phá vỡ hợp đồng tiêu thụ nông sản.

- Nâng mức trần lãi suất cho vay, huy động vốn của các Hợp tác xã có thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ: Việc thực hiện dịch vụ tín dụng nội bộ của các hợp tác xã nông nghiệp đã có những đóng góp rất lớn trong việc giải quyết nhu cầu về vốn cho những hộ nông dân là xã viên. Tuy nhiên quy mô vay vốn và số xã viên được vay vốn từ hợp tác xã vẫn còn rất thấp. Đó là vì các hợp tác xã chủ yếu sử dụng số vốn tự có để cho vay, còn vốn huy động từ xã viên là rất ít. Hiện nay quy định của thông tư 06/2004/TT-NHNN ban hành ngày 27 tháng 9 năm 2004 về việc huy động vốn của xã viên "Lãi suất cho vay, lãi suất huy động vốn của xã viên do Đại hội xã viên quy định nhưng không vượt quá lãi suất cho vay và lãi suất huy động cùng loại, cùng thời điểm và cùng kỳ hạn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn, nơi hợp tác xã đóng trụ sở chính". Nếu hợp tác xã thực hiện đúng điều này sẽ rất khó huy động vốn. Bởi vì, rủi ro khi gửi tiền cho hợp tác xã cao hơn so với việc gửi tiền cho các NHTM hoặc QTDND, nếu lãi suất huy động của hợp tác xã chỉ bằng lãi suất của



các tổ chức này thì các hợp tác xã không thể huy động vốn được. Để tránh việc đổ bể tín dụng nội bộ của các hợp tác xã nông nghiệp, Thông tư 06/2004/TT-NHNN đã quy định hợp tác xã chỉ được huy động vốn tối đa 30% so với vốn tự có bằng tiền. Do vậy để hợp tác xã có thể huy động tiền gửi của xã viên, NHNN nên cho phép các hợp tác xã được huy động với mức lãi suất như các tổ chức tín dụng trên địa bàn cộng thêm một biên độ cho phép. Tương tự tiền vay cũng nên cho phép các hợp tác xã dựa vào lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng cộng thêm một biên độ do Ngân hàng Nhà nước đưa ra.

- Cung cấp các dịch vụ khuyến nông: Hiện nay, trình độ canh tác cũng như việc tiếp cận và ứng dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật của nông dân chưa cao. Do vậy, Để người nông dân có thể trồng được những cây trồng, vật nuôi có hiệu quả phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc điểm của từng vùng thì chúng ta cần phải cung cấp các dịch vụ khuyến nông. Qua công tác khuyến nông không những giúp cho nông dân biết nên trồng cây gì, nuôi con gì mà còn giúp chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp.

Kết luận: Như vậy có thể thấy nhu cầu về vốn tín dụng ở khu vực nông nghiệp, nông thôn hiện nay rất cao. Để các hộ nông dân có thể tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng có mức lãi suất hợp lý, chúng ta cần triển khai các giải pháp để giảm thiểu rủi ro trong sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao thu nhập của người nông dân. Khi đó khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng của người nông dân sẽ dễ dàng hơn. Một khi người nông dân có thể tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng một cách dễ dàng, thì mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và giải quyết công ăn việc làm ở khu vực nông nghiệp, nông thôn mới có thể được giải quyết tận gốc ■